

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)
Liên đoàn Bóng đá Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ qui định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ qui định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Chủ tịch Liên đoàn Bóng đá Thanh Hóa; của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 85/TTr-SNV ngày 25/01/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Liên đoàn Bóng đá Thanh Hóa, đã được Đại hội đại biểu lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020 - 2024 của Liên đoàn Bóng đá Thanh Hóa thông qua ngày 30 tháng 12 năm 2020, gồm 08 Chương, 27 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Liên đoàn Bóng đá Thanh Hóa; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đấu Thanh Tùng

ĐIỀU LỆ (sửa đổi, bổ sung)
Liên đoàn Bóng đá Thanh Hóa

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

- Tên tiếng Việt: Liên đoàn Bóng đá Thanh Hóa.
- Tên giao dịch quốc tế: THANH HOA FOOTBALL FEDERATION (TFF).
- Tên viết tắt: LDBĐTH.
- Biểu tượng:



Điều 2. Tôn chỉ, mục đích:

Liên đoàn Bóng đá Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là Liên đoàn) là một tổ chức xã hội- nghề nghiệp của công dân, tổ chức Việt Nam đang sinh hoạt, công tác, hoạt động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, tự nguyện thành lập, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, tham gia phát triển bóng đá, góp phần vào sự nghiệp phát triển văn hóa, xã hội của tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở:

- Liên đoàn có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Liên đoàn được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.
- Trụ sở của Liên đoàn: Số 39 Lê Quý Đôn, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động:

- Liên đoàn có phạm vi hoạt động trong địa bàn tỉnh Thanh Hóa và là thành viên của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam.
- Liên đoàn chịu sự quản lý nhà nước của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thanh Hóa và các sở, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên

đoàn theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động:

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

Chương II
QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Liên đoàn.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Liên đoàn.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Liên đoàn theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Liên đoàn theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Liên đoàn và lĩnh vực Liên đoàn hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Liên đoàn.
7. Thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể pháp nhân thuộc Liên đoàn theo quy định của pháp luật.
8. Được gây quỹ Liên đoàn trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật và Điều lệ đã được phê duyệt liên quan đến tổ chức, hoạt động của Liên đoàn. Không được lợi dụng hoạt động của Liên

đoàn để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Liên đoàn; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Liên đoàn nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Liên đoàn, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, trang bị kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Liên đoàn.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Liên đoàn theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Liên đoàn.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Liên đoàn theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Liên đoàn gồm các cá nhân, tổ chức Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế đang sinh hoạt, công tác, hoạt động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; cán bộ quản lý của các cơ quan nhà nước được giới thiệu tham gia Liên đoàn; tổ chức, cá nhân, các nhà quản lý, nhà khoa học có uy tín, có kinh nghiệm, có công lớn đối với sự phát triển của bóng đá Thanh Hóa tán thành điều lệ Liên đoàn, tự nguyện làm đơn đăng ký gia nhập Liên đoàn và được Ban Chấp hành chấp thuận đều trở thành hội viên của Liên đoàn.

2. Các hội viên là pháp nhân (doanh nghiệp hoặc tổ chức) cử người đại diện của mình tham gia Liên đoàn. Khi thay đổi người đại diện, hoặc thông tin pháp nhân hội viên phải thông báo bằng văn bản cho Ban Chấp hành Liên đoàn.

3. Hội viên của Liên đoàn gồm hội viên chính thức và hội viên liên kết, hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: Cá nhân, tổ chức Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế; các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cán bộ quản lý của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có đủ tiêu chuẩn ở khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Liên đoàn, tự nguyện gia nhập Liên đoàn, có thể trở thành Hội viên chính thức của Liên đoàn.

b) Hội viên liên kết, hội viên danh dự:

Công dân, tổ chức Việt Nam không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Liên đoàn, tán thành điều lệ Liên đoàn, tự nguyện xin vào Liên đoàn, được Liên đoàn công nhận là hội viên liên kết, hội viên danh dự.

4. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

- a) Là công dân Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không vi phạm pháp luật; Đối với tổ chức: Là tổ chức được pháp luật Việt Nam công nhận;
- b) Tán thành Điều lệ Liên đoàn;
- c) Tâm huyết, nhiệt tình tham gia các hoạt động của Liên đoàn;
- d) Tự nguyện xin gia nhập Liên đoàn và được Ban Chấp hành Liên đoàn chấp thuận kết nạp.

Điều 9. Quyền của hội viên

- 1. Được Liên đoàn bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.
- 2. Được Liên đoàn cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn, được tham gia các hoạt động do Liên đoàn tổ chức.
- 3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Liên đoàn theo quy định của Liên đoàn; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn.
- 4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Liên đoàn theo quy định của Liên đoàn.
- 5. Được giới thiệu hội viên mới.
- 6. Được khen thưởng theo quy định của Liên đoàn.
- 7. Được ra khỏi Liên đoàn khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.
- 8. Hội viên danh dự và hội viên liên kết được hưởng các quyền như hội viên chính thức, trừ quyền ứng cử, bầu cử vào các chức danh lãnh đạo, Ban Kiểm tra của Liên đoàn và quyền biểu quyết các vấn đề của Liên đoàn.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

- 1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Liên đoàn.
- 2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Liên đoàn; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Liên đoàn phát triển vững mạnh.
- 3. Bảo vệ uy tín của Liên đoàn, không được nhân danh Liên đoàn trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Liên đoàn phân công bằng văn bản.
- 4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Liên đoàn.
- 5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Liên đoàn (trừ hội viên danh dự).

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp, ra khỏi, khai trừ hội viên

1. Kết nạp hội viên: Ban Chấp hành Liên đoàn xem xét và quyết định kết nạp hội viên đối với cá nhân có đủ tiêu chuẩn nêu ở Điều 8. Hồ sơ xin gia nhập Liên đoàn, gồm các giấy tờ sau:

a) Đơn xin gia nhập Liên đoàn;

b) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân (Căn cước công dân) hoặc Chứng nhận đăng ký kinh doanh;

2. Ra khỏi Liên đoàn:

Ban Chấp hành Liên đoàn xem xét và quyết định cho phép hội viên ra khỏi Liên đoàn trong trường hợp hội viên có đơn tự nguyện xin ra khỏi Liên đoàn gửi Ban Chấp hành Liên đoàn.

3. Khai trừ hội viên:

Ban Chấp hành Liên đoàn xem xét và quyết định khai trừ Hội viên, trong trường hợp Hội viên vi phạm nội dung sau đây:

a) Hoạt động trái với tôn chỉ, mục đích của Liên đoàn, gây tổn hại đến tài chính và uy tín của Liên đoàn.

b) Không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của Hội viên, không thực hiện đúng nghĩa vụ hoặc vi phạm nghiêm trọng những quy định, nghị quyết của Ban Chấp hành Liên đoàn.

c) Bị tước quyền công dân; pháp nhân đã ngừng hoạt động, bị đình chỉ hoạt động, bị giải thể hoặc bị tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật.

Chương IV **TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

Điều 12. Cơ cấu tổ chức

1. Đại hội Liên đoàn.
2. Ban Chấp hành Liên đoàn.
3. Ban Thường trực.
4. Ban Kiểm tra Liên đoàn.
5. Văn phòng.
6. Các ban chuyên môn, các tổ chức trực thuộc.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Liên đoàn là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 04 (bốn) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được

tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Liên đoàn;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Liên đoàn (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Liên đoàn;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Các nội dung khác (nếu có);

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Liên đoàn

1. Ban Chấp hành Liên đoàn do Đại hội bầu trong số các hội viên của Liên đoàn. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Liên đoàn, lãnh đạo mọi hoạt động của Liên đoàn giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Liên đoàn;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Liên đoàn. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên đoàn; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Liên đoàn; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Liên đoàn phù hợp với quy định của Điều lệ Liên đoàn và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường trực, ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá vượt quá 2/3 (hai phần ba) số Ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định. Ủy viên Ban Chấp hành Liên đoàn là đại diện tổ chức đã nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác sẽ được thay thế bằng một người khác cũng của tổ chức đó.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 02 (hai) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường trực hoặc trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có $\frac{2}{3}$ (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Liên đoàn.

Điều 15. Ban Thường trực Liên đoàn

1. Ban Thường trực Liên đoàn do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường trực Liên đoàn gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và các Ủy viên Ban Thường trực. Số lượng Ủy viên Ban Thường trực không quá $\frac{1}{3}$ số lượng Ủy viên Ban Chấp hành. Nhiệm kỳ của Ban Thường trực cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường trực:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Liên đoàn; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Liên đoàn giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Liên đoàn theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Liên đoàn.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường trực:

a) Ban Thường trực hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn;

b) Ban Thường trực mỗi tháng họp một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Liên đoàn hoặc trên $\frac{2}{3}$ (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường trực;

c) Các cuộc họp của Ban Thường trực là họp lệ khi có trên $\frac{2}{3}$ (hai phần ba) ủy viên Ban Thường trực tham gia dự họp. Ban Thường trực có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường trực quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường trực được thông qua khi có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường trực dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Liên đoàn.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra Liên đoàn gồm: Trưởng ban, Phó trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội. Trưởng ban, Phó trưởng ban Kiểm tra Liên đoàn do Ban Chấp hành bầu trong ủy viên Ban Kiểm tra Hiệp do Đại hội bầu ra.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Liên đoàn, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực, các quy chế của Liên đoàn trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Liên đoàn, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Liên đoàn.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên đoàn

1. Chủ tịch Liên đoàn là đại diện pháp nhân của Liên đoàn trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Liên đoàn. Chủ tịch Liên đoàn do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường trực Liên đoàn. Tiêu chuẩn Chủ tịch Liên đoàn do Ban Chấp hành Liên đoàn quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Liên đoàn:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Liên đoàn;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Liên đoàn, trước Ban Chấp hành, Ban Thường trực Liên đoàn về mọi hoạt động của Liên đoàn. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Liên đoàn theo quy định Điều lệ Liên đoàn; nghị quyết Đại Liên đoàn; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Liên đoàn;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường trực;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường trực ký các văn bản của Liên đoàn;

đ) Khi Chủ tịch Liên đoàn vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Liên đoàn được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Liên đoàn.

3. Phó Chủ tịch Liên đoàn do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường trực Liên đoàn. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Liên đoàn do Ban Chấp hành Liên đoàn quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Liên đoàn chỉ đạo, điều hành công tác của Liên đoàn theo sự phân công của Chủ tịch Liên đoàn; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch

Liên đoàn và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Liên đoàn phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Liên đoàn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Liên đoàn phù hợp với Điều lệ Liên đoàn và quy định của pháp luật.

Điều 18. Tổng thư ký Liên đoàn

1. Tổng thư ký Liên đoàn do Ban Chấp hành bầu trong số Ủy viên Ban thường trực. Tiêu chuẩn Tổng thư ký Liên đoàn do Ban Chấp hành quy định.

2. Tổng thư ký là người giúp Chủ tịch Liên đoàn thực hiện các nhiệm vụ:

a) Xử lý công việc của Văn phòng Liên đoàn, thu nhận, tổng hợp thông tin, lập các báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề và các báo cáo khác của Ban Thường trực, Ban Chấp hành cho cơ quan nhà nước theo quy định. Ký giấy giới thiệu, giấy đi đường, giấy mời họp, thông báo kết luận hội nghị của Chủ tịch Liên đoàn.

b) Chuẩn bị nội dung các cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Thường trực và các hoạt động khác.

c) Chủ trì phối hợp với các bộ phận liên quan lập báo cáo nhiệm kỳ, dự thảo các tài liệu liên quan của Ban Thường trực, Ban Chấp hành trình Đại hội nhiệm kỳ.

Điều 19. Văn phòng Liên đoàn

Văn phòng Liên đoàn là cơ quan hành chính phục vụ thường xuyên các hoạt động của Liên đoàn; chức năng, nhiệm, cơ cấu tổ chức của Văn phòng do Ban Chấp hành quy định; chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng thư ký Liên đoàn.

Điều 20. Các Ban chuyên môn, các tổ chức trực thuộc.

1. Các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Liên đoàn được thành lập theo quy định của pháp luật. Ban Chấp hành quy định cụ thể về thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Liên đoàn phù hợp với Điều lệ Liên đoàn và quy định của pháp luật.

2. Các Ban chuyên môn là cơ quan giúp việc cho Ban Chấp hành, Ban Thường trực, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký; chức năng, nhiệm, cơ cấu tổ chức của các ban chuyên môn do Ban Chấp hành quyết định. Ban Chấp hành phân công, giao nhiệm vụ cho các ủy viên Ban Chấp hành phụ trách các ban chuyên môn.

3. Các chi hội trực thuộc: Ở những tổ chức, địa phương có nhiều hội viên, Ban Thường trực Liên đoàn xem xét quyết định công nhận chi hội trực thuộc Liên đoàn.

Chương V

CHIA TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN; GIẢI THỂ

Điều 21. Chia tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên và giải thể Liên đoàn

Việc chia tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên và giải thể Liên đoàn thực hiện theo quy định của Luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI **TÀI CHÍNH, TÀI SẢN**

Điều 22. Tài chính, tài sản Liên đoàn

1. Tài chính của Liên đoàn:

a) Nguồn thu của Liên đoàn:

- Lệ phí gia nhập Liên đoàn, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Liên đoàn theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);
- Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của Liên đoàn:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Liên đoàn;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Liên đoàn theo quy định của Ban Chấp hành Liên đoàn phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Liên đoàn: Tài sản của Liên đoàn bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Liên đoàn. Tài sản của Liên đoàn được hình thành từ nguồn kinh phí của Liên đoàn; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Quản lý, sử dụng tài chính và tài sản của Liên đoàn

1. Tài chính, tài sản của Liên đoàn được sử dụng chung cho các hoạt động của Liên đoàn.

2. Tài chính, tài sản của Liên đoàn khi chia tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Liên đoàn ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên đoàn đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ mục đích hoạt động của Liên đoàn.

Chương VII **KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

Điều 24. Khen thưởng

1. Tổ chức, cá nhân hội viên có thành tích xuất sắc được Liên đoàn khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định pháp luật.

2. Ban Chấp hành Liên đoàn quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục xét khen thưởng trong nội bộ Liên đoàn và đề nghị các cấp khen thưởng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

Điều 25. Kỷ luật

1. Tổ chức đơn vị thuộc Liên đoàn, hội viên vi phạm pháp luật, Điều lệ Liên đoàn, quy định, quy chế hoạt động của Liên đoàn thì bị xem xét, xử lý kỷ luật bằng các hình thức: Khiển trách, Cảnh cáo, Khai trừ khỏi Liên đoàn.

2. Ban Chấp hành Liên đoàn quy định cụ thể về thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Liên đoàn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Liên đoàn

Chỉ có Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể Liên đoàn Bóng đá Thanh Hoá mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Liên đoàn được thông qua khi có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành và phải được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt mới có giá trị.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Liên đoàn Bóng đá Thanh Hoá gồm 08 Chương, 27 Điều đã được Đại hội Liên đoàn Bóng đá Thanh Hoá thông qua ngày 30 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ tịch UBND tỉnh ký quyết định phê duyệt.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Liên đoàn, Ban Chấp hành Liên đoàn Bóng đá Thanh Hoá có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.